

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HS-ST

Ngày: 28 - 11 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tĩnh;

2/ Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, Tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, Tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

- Họ tên: Nguyễn Minh T; sinh năm 1993 tại Long An (Có mặt);

Nơi cư trú: Số 127/4, ấp 4, xã Q, huyện T, Tỉnh L; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1967 và bà Phan Thị U, sinh năm 1967; Vợ tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1988; Có 02 con chung, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại điều tra.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 57B, đường L, phường T, quận T, thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/9/2019, anh Nguyễn Ngọc H đến thuê phòng số 08 của nhà nghỉ 225, tọa lạc tại số 22 Huỳnh Hữu Thống, Phường 3, thành phố T để nghỉ. Trong lúc nghỉ tại phòng số 08, anh H có tháo 02 chiếc nhẫn vàng, một chiếc loại 24k mặt nhẫn có tiếng Hoa, bên trong có chữ DAHOA trọng lượng 01 lượng 06 phân 06 ly; và 01 chiếc nhẫn vàng 18k có đính hạt hình elip màu xanh, bên trong có chữ AHOA, trọng lượng 04 chỉ 08 phân 02 ly, trọng lượng hạt nhựa 01 chỉ 37 phân để dưới gối nằm trên giường ngủ. Đến 05 giờ 45 phút ngày 23/9/2019 anh H trả phòng ra về nhưng quên mang theo chiếc 02 nhẫn trên. Khoảng 05 giờ 50 phút Nguyễn Minh T là nhân viên phục vụ nhà nghỉ vào dọn dẹp thì phát hiện 02 chiếc nhẫn trên nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T lấy 02 nhẫn trên bỏ vào túi quần rồi tiếp tục dọn dẹp phòng. Sau khi dọn dẹp xong T mang theo 02 chiếc nhẫn về nhà của mình tại số 127/4 ấp 4, xã Q, huyện T, Tỉnh L cất giấu. Sau khi phát hiện bỏ quên tài sản tại nhà nghỉ 225, anh H đã quay lại nhà nghỉ tìm T hỏi xin lại, nhưng T nói không biết, anh H đã trình báo công an. Qua làm việc tại Cơ quan CSĐT-Công an thành phố T, Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 286/KL-HĐĐG ngày 26/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T xác định 01 chiếc nhẫn vàng loại 24k mặt nhẫn có chữ tiếng Hoa, bên trong có chữ DAHOA, trọng lượng 10 chỉ 06 phân 06 ly có giá trị 44.185.000đ; 01 chiếc nhẫn vàng loại 18k có đính hạt hình elip màu xanh, bên trong có chữ AHOA, trọng lượng vàng 04 chỉ 08 phân 02 ly có giá trị 14.672.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 361/KL-HĐĐG ngày 05/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T xác định 01 (một) hạt nhựa hình elip màu xanh, trọng lượng 01 chỉ 37 phân được đính vào chiếc nhẫn vàng loại 18k, bên trong có chữ AHOA có giá trị là 50.000đ.

Tổng tài sản có giá trị là 58.907.000đ đều thuộc sở hữu của anh Nguyễn Ngọc H. Các tài sản này cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Nguyễn Ngọc H.

Tại Cáo trạng số 95/CT-VKSTA-HS ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 điều 176 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh T thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Người bị hại anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong giai đoạn điều tra, anh có ý kiến là đã nhận lại các tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có ý kiến không yêu cầu xử lý hình sự đối với cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 176; các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù 06 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh Nguyễn Ngọc không có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết mình sai và hối hận với hành vi phạm tội của mình, đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Người bị hại, anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy trong giai đoạn điều tra đã thể hiện đầy đủ lời khai và ý kiến của người bị hại nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh T khai nhận: Xuất phát từ động cơ tham lam nên vào lúc 05 giờ 50 phút ngày 23/9/2019 khi phát hiện 02 chiếc nhẫn vàng của anh Nguyễn Ngọc H bỏ quên tại phòng số 08 nhà nghỉ 225, tọa lạc tại số 22 Huỳnh Hữu Thống, phường 3, thành phố T, Nguyễn Minh T đã chiếm giữ trái phép tài sản này, tổng cộng giá trị tài sản bị chiếm giữ là 58.907.000đ. Qua làm việc tại Cơ quan CSĐT-Công an thành phố T, Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở để kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Minh T đủ yếu tố cấu thành tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh nêu trên là đúng người đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì tham lam, thích hưởng lợi bất chính trên thành quả lao động của người khác nên đã lợi dụng sự sơ hở bất cẩn của người khác để chiếm giữ tài sản với giá trị 58.907.000đ nhằm mục đích thu lợi bất chính, gây hậu quả xấu cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một cách nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, là lao động chính đang nuôi 02 con nhỏ, trong đó có con nhỏ sinh năm

2019; Bị cáo có ông nội là Liệt sĩ; Cha bị cáo có thời gian tham gia bộ đội; Bị hại có ý kiến không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo 06 tháng đến 01 năm tù, hội đồng xét xử thấy rằng mức án mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51, có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng, bị cáo không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo đủ điều kiện áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự 2015 vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, giám sát giáo dục cũng đủ răn đe giáo dục chung, cũng như tạo điều kiện để giúp đỡ bị cáo sửa chữa lỗi lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội, hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Ngọc H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc nhẫn vàng loại 24k mặt nhẫn có chữ tiếng Hoa, bên trong có chữ DAHOA, trọng lượng 10 chỉ 06 phân 06 ly; 01 chiếc nhẫn vàng loại 18k có đính hạt hình êlip màu xanh, bên trong có chữ AHOA, trọng lượng vàng 04 chỉ 08 phân 02 ly, trọng lượng hạt nhựa 01 chỉ 37 phân. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 176; Điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Minh T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, Tỉnh L nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa. Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được cấp tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận :

- TAND Tỉnh L;
- VKSND Tp T An;
- CA Tp T An;
- Chi cục THA Tp T An;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Phan